

履歴書 SOYEU LY LICH

①

2017 Năm Tháng Ngày Hiện tại ②

氏名 Họ tên 性別 Giới tính 男

生年月日 Ngày tháng năm sinh 1991 Năm 11 Tháng 19 Ngày 25 Tuổi 26

③ 現在所 Địa chỉ hiện tại ④ 出身地 Quê quán Ho Chi Minh

電話番号 Số điện thoại ⑤ E-mail ⑤

緊急連絡先 Số điện thoại khi cần liên lạc gấp ⑤ 家族構成 Các thành viên gia đình ⑦ 父,母,兄,妹

婚姻/独身 ⑥ 独身 ⑧ 日本語能力 ⑧ N3 ⑨ JLPT資格 ⑨ N3 (2016年9月合格)

⑩

年	月	学歴	Quá trình học tập (Ghi rõ tháng/năm nhập học và tốt nghiệp)
2006	7	○ ○ 大学 △ △ 学部	入学
2010	10	○ ○ 大学 △ △ 学部	卒業

⑪

年	月	職歴	Quá trình làm việc (Ghi rõ tháng/năm vào và nghỉ công ty)
2010	11	○ ○ 株式会社	入社 (担当業務: 建築設計)
2013	3	○ ○ 株式会社	退社
2013	5	△ △ 株式会社	入社 (担当業務: 建築設計)
2015	4	△ △ 株式会社	退社
2015	7	□ □ 株式会社	入社 (担当業務: 建築設計)
現在		□ □ 株式会社	

⑫

年	月	日本語学習歴	Quá trình học tiếng Nhật
2007	4	○ ○ 日本語センター	で勉強開始
2010	10	○ ○ 日本語センター	で勉強終了

履歴書 記入方法 (Hướng dẫn cách ghi Sơ yếu lý lịch)

※(履歴書のフォーマットは変更しないでください。)
※(Để tránh sai sót thông tin trong quá trình in ấn, vui lòng không điều chỉnh form mẫu)

- ①年月日・履歴書を記入した年月日を記入。 ※(左図を参照)
(Năm tháng ngày)・(Ngày tháng viết hồ sơ)
- ②写真・カラーのみ可能。背景がない証明用写真で3ヶ月以内のもの貼る。
(Hình ảnh)・(Ảnh thẻ màu, không bối cảnh và không quá 3 tháng)
- ③現在所・現在、住んでいる場所を記入。
(Địa chỉ hiện tại)・(Ghi địa chỉ nơi đang sinh sống)
- ④出身地・必ず記入。 ※(左図を参照)
(Quê quán)
- ⑤連絡先・連絡可能な携帯番号とメールアドレスを必ず記入。
(Liên lạc gấp)・(Số điện thoại hoặc Email có thể liên lạc khi cần gấp)
- ※(緊急連絡先は両親または兄弟、姉妹の連絡先を記入)
※(Điện số điện thoại của cha mẹ hoặc anh chị em để cần khi liên lạc gấp)
- ⑥既婚/独身・必ず記入。 ※(左図を参照)
(Đã kết hôn/ Độc thân)
- ⑦家族構成・家族構成を詳しく記入。 ※(左図を参照)
(Các thành viên trong gia đình)・(Thể hiện chi tiết các thành viên trong gia đình.
Vd: cha mẹ, anh, chị, em)
- ⑧日本語能力・現在の日本語能力を必ず記入。 ※(左図を参照)
(Trình độ tiếng Nhật)・(Trình độ tiếng Nhật hiện tại)
- ⑨JLPT資格・現在のJLPTの資格と取得日を必ず記入。 ※(左図を参照)
(Bảng cấp năng lực Nhật ngữ)・(Bảng cấp năng lực Nhật ngữ đạt được tính đến thời gian hiện tại)
- ⑩学歴・大学の名前,学部,入学日,卒業日を詳しく記入。 ※(左図を参照)
(Quá trình học tập)・(Thể hiện chi tiết tên trường, chuyên ngành, ngày tháng nhập học, ngày tháng tốt nghiệp)
- ⑪職歴・会社の名前,入社日,退社日,担当業務を詳しく記入。 ※(左図を参照)
(Quá trình làm việc)・(Thể hiện chi tiết tên công ty; ngày tháng bắt đầu làm việc, ngày nghỉ; chịu trách nhiệm công việc gì?)
- ⑫日本語学習歴・日本語学校の名前,入学日,卒業日を詳しく記入。
(Quá trình học tiếng Nhật)・(Thể hiện chi tiết tên trường, ngày tháng nhập học, ngày tháng ra trường)

職務経歴書 KINH NGHIỆM LÀM VIỆC

① 氏名: Ho tên:

職務経歴 ①

企業名 Tên công ty / Công ty nước ngoài	勤務期間 Thời gian làm việc	仕事内容 Nội dung công việc	使用ソフト Sử dụng phần mềm	職位/役割 Chức danh / vai trò
○ ○ 株式会社 (日本)	2010年11月 ~ 2013年3月	■担当業務: 建築設計 ・社員数は全員で200名。(日本人は30名) ・日本のお客様から図面をもらい、それを設計しなおす。 →仕事で分からないことがあれば、上司に相談して問題を解決する。	Auto Cad (2D)	社員
△ △ 株式会社 (ベトナム)	2013年5月 ~ 2015年4月	■担当業務: 建築設計 ・社員数は全員で100名。(日本人は20名) ・ベトナムのお客様から図面をもらい、それを設計しなおす。 →ワークに指示を出す。 ・12層建てのビルを建築を担当。 ※(チームの数は4チーム、1チーム6人。)	Auto Cad (2D,3D), REVIT, PSS	社員 (リーダー)
□ □ 株式会社 (日本)	2015年7月 ~ 現在	■担当業務: 建築設計 ・社員数は全員で150名。(日本人は12名) ・日本のお客様から図面をもらい、それを設計しなおす。 ・日本のお客様とSkypeでミーティングをして、仕事の改善点を考える。 ・14層建てのビルを建築を担当。	Auto Cad (2D,3D), 3DSMAX, REVIT, SKETCHUP	社員 (リーダー)

③

得意分野 Đặc trưng ngành nghề	使用ソフト/使用機械 Sử dụng phần mềm/ Sử dụng máy	経験年数 Thời gian kinh nghiệm
建築設計	Auto Cad	6年
建築設計	REVIT,PSS	2年
建築設計	3DSMAX,SKETCHUP	1年2ヵ月

④

長所 Ưu điểm	短所 Nhược điểm
・真面目 ・チャレンジ精神がある ・チームワークを大切にす	・緊張しやすい ・少し短気
趣味: サッカー, 読書, 釣り	

⑤ 志望動機 Lý do muốn đi Nhật
私が日本で働きたい理由は自身の技術や日本語能力を向上させたいからです。
もし合格を頂きましたら、貴社に貢献致します。
どうぞよろしくお願い致します。

⑥ 自己PR PR bản thân
私の長所は真面目で何事にも積極的なことです。
仕事では建築設計を得意としており、Auto CadやREVIT,PSS、3DSMAX,SKETCHUPを使えます。
チームのリーダーとして、仕事をこなせることも得意としております。
日本語レベルはN3で、現在はN2を目指して毎日日本語を勉強しています。趣味はサッカーと読書です。

⑦ 希望勤務年数 Thời gian mong muốn làm ở Nhật 無期限

⑧ 自由記入欄 Ở diện tự do

職務経歴書 記入方法 (Quá trình làm việc)

※(履歴書のフォーマットは変更しないでください。)
※(Để tránh sai sót thông tin trong quá trình in ấn, vui lòng không điều chỉnh form mẫu)

- ①名前・必ず記入。
(Để tránh sai sót, việc đầu tiên nên thể hiện đầy đủ tên họ)
- ②職務経歴・企業名,企業国籍,仕事内容,使用ソフト,職位/役割を詳しく記入。
(Kinh nghiệm làm việc)・(Tên công ty, công ty thuộc nước nào, nội dung công việc, phần mềm đã sử dụng, chức vụ/ bộ phận)
- ※(職務経歴書の中で大切な部分です。詳しい仕事内容を記入してください。)
※(Quá trình làm việc là phần chủ yếu, nên thể hiện nội dung một cách chi tiết)
- ③技術内容・得意分野,使用ソフト/使用機械,経験年数を記入。
(Kỹ năng kỹ thuật)・(Lĩnh vực sở trường, phần mềm/máy công nghệ đã sử dụng, số năm kinh nghiệm)
- ④性格・長所,短所,趣味を記入。
(Tính cách)・(Thể hiện ưu, nhược điểm và sở thích)
- ⑤志望動機・日本で働きたい理由を記入。
(Lý do muốn làm việc ở Nhật)
- ⑥自己PR・必ず記入。
(PR bản thân)・(Giới thiệu nhiều hơn về bản thân)
- ※今までの経験をアピールしましょう。
※(Tạo sự thu hút bằng những kinh nghiệm đã học được)
- ⑦希望勤務年数・必ず記入。
(Khoảng thời gian mà bạn muốn làm việc ở Nhật)
- ⑧自由記入欄・自身の希望があれば記入。
(Ở diện tự do)・(Điền những nguyện vọng, mong muốn của bản thân)
- ※履歴書を見直して、記入漏れがないよう確認して提出してください。
※(Vui lòng kiểm tra kỹ thông tin và kiểm tra lại tất cả các mục một lần nữa trước khi nộp đơn.)